DANH SÁCH SINH VIÊN THUỘC DIỆN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019 - 2020

(Kèm theo TB Số 204 /TB- ĐHGTVT-PH.HCM ngày 11 tháng 02 năm 2019)

STT	Họ tên		MSSV	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Miễn HP	Giảm HP	STK
1	Vũ Đức Hưng	Phú	5751014299	15/03/1997	CQ.57.CAHA	Con TB	100%		102003511945
2	Huỳnh Minh	Chiến	5751014016	22/09/1993	CQ.57.CĐB.1	DT Khmer + Xã ĐBKK		70%	107003511719
3	Mai Bá	Sỹ	5751014148	10/03/1998	CQ.57.CĐB.2	Con BB	100%		106003512009
4	Trương Hoàng	Luật	5751014111	17/08/1998	CQ.57.CĐB.2	DT Hoa + Xã ĐBKK		70%	103003511898
5	Lê Ngọc	Báu	575101N343	02/09/1998	CQ.57.CDSB	Con TB	100%		106003511710
6	Võ Lâm Văn	Việt	5751048068	15/01/1998	CQ.57.CKOT	Con TB	100%		101001542094
7	Lưu Văn	Tài	5751102143	05/06/1998	CQ.57.HTĐT	DT Chăm + Xã ĐBKK		70%	101003002987
8	Lê Hồng	Lực	5751102134	18/11/1998	CQ.57.HTĐT	TNLĐ		50%	105003199780
9	Vũ Thị Lưu	Ly	5754011027	14/03/1998	CQ.57.KTXD	Con TB	100%		109003515752
10	Nguyễn Thị	Út	5754011060	01/02/1997	CQ.57.KTXD	CSNTB	100%		105003511393
11	Ksor	Bé Ba	5754011004	24/04/1998	CQ.57.KTXD	DT JRai + Xã ĐBKK		70%	107003511340
12	Lý Văn	Luân	5751031019	29/08/1998	CQ.57.TĐH	DT Nùng + Xã ĐBKK		70%	101003098916
13	Thái Văn	Hiệu	5751031015	27/10/1998	CQ.57.TĐH	TNLĐ		50%	100003511525
14	Nguyễn Đình	Vũ	5751101107	20/09/1998	CQ.57.XDDD.2	Con TB	100%		107003511691
15	Nguyễn Hoài	Nam	5851031026	4/10/1999	CQ.58. TDH	Con TB	100%		104867514700
16	Lê Mạnh	Tuấn	5851014154	14/1/1997	CQ.58.CĐB.2	Con TB	100%		107867919394
17	Trần Châu	Tuấn	5851014136	6/1/1998	CQ.58.CĐB.2	DT Hoa + Xã ĐBKK		70%	108002930366
18	Đinh Hoàng	Giang	585101N013	16/3/1999	CQ.58.CĐSB	Con TB	100%		108867488645
19	Nguyễn Huy	Được	5851048016	03/05/1999	CQ.58.CKOT	TNLĐ		50%	103867514332
20	Nguyễn Duy	Nhật	5851018015	1/1/1998	CQ.58.GTĐT	Con TB	100%		107867512258
21	Nguyễn Thị Phương	Lâm	5851056017	21/4/1999	CQ.58.QHO	NCĐHH	100%		101867514728
22	Đặng Đình	Minh	5851031023	17/03/1999	CQ.58.TDH	Con TB	100%		102867514697
23	Huỳnh Đình	Viên	5851031045	4/9/1999	CQ.58.TDH	Con TB	100%		103867488433
24	Nguyễn Phương	Nam	5851031025	21/9/1999	CQ.58.TDH	Con TB	100%		108867488438
25	Lê Văn	Lượm	5851101055	9/9/1999	CQ.58.XDDD.1	Con TB	100%		107867509776
26	Huỳnh Việt	Tâm	5951010159	06/11/2000	CQ.59.CT1	TNLĐ		50%	104868832690
27	Trần Quang	Vũ	5951040250	19/02/2000	CQ.59.KTOTO.1	Con TB	100%		108868826484
28	Nguyễn Thị Huyền	Trân	5954010106	15/11/2000	CQ.59.KTXD	Con TB	100%		107868826691
29	Phạm Hữu Minh	Thi	5954051034	11/02/2000	CQ.59.QLXD	Con TB	100%		101868823936
30	Võ Thành	Đạt	5954030012	25/10/1999	CQ.59.QTKD	Con TB	100%		107868823955
31	Phạm Thị Tú	Trân	5954030069	20/12/2000	CQ.59.QTKD	Con TB	100%		105868823996
32	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	6054041060	25/3/2001	CQ.60.KTTH	Con TB	100%		103870717299

Danh sách này có 32 sinh viên./.